

Nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến sự chuyển dịch từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp hữu cơ: Bài học cho Việt Nam^(*)

BÙI THỊ MINH HẰNG*

NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN**

NGUYỄN KHÁNH DOANH***

Tóm tắt: Bài viết nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chuyển dịch từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp hữu cơ của người nông dân, từ đó rút ra bài học cho Việt Nam, đồng thời chỉ rõ quyết định chuyển dịch sang nông nghiệp hữu cơ của người nông dân chịu tác động của cả những yếu tố kinh tế và phi kinh tế, cả những yếu tố chủ quan từ phía người nông dân như đặc điểm nhân khẩu của hộ, tiềm lực kinh tế, điều kiện sản xuất và tiêu thụ, nhận thức của hộ và những yếu tố khách quan như thể chế, chính sách, cơ chế hỗ trợ của Nhà nước và yếu tố cầu đối với sản phẩm hữu cơ. Đặc biệt, nhận thức của nông hộ về nông nghiệp hữu cơ thường là yếu tố quyết định đến sự chuyển dịch. Đối với Việt Nam, ngoài những tiêu chuẩn, quy định cần thiết liên quan đến nông nghiệp hữu cơ, Nhà nước và các địa phương cần có các chính sách và biện pháp để nâng cao nhận thức của người sản xuất và người tiêu dùng về nông nghiệp và sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, đồng thời cần có các chính sách hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật, chứng nhận sản phẩm và thị trường tiêu thụ để giúp người nông dân trong quá trình chuyển dịch.

Từ khóa: nông nghiệp hữu cơ, chuyển dịch, yếu tố tác động.

1. Mở đầu

Nông nghiệp hữu cơ ngày càng có vai trò quan trọng trong việc cung cấp lương thực, thực phẩm cho các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia phát triển. Nông nghiệp hữu cơ được coi là một hệ thống sản xuất nông nghiệp an toàn, bền vững và phù hợp với các hộ sản xuất nhỏ¹.

Ngoài những lợi ích về môi trường, sức khỏe, nông nghiệp hữu cơ được cho là sẽ đem lại cho các hộ sản xuất cơ hội tiêu thụ sản phẩm với giá cao, từ đó tăng lợi nhuận và thu nhập.

Trong khi khu vực nông nghiệp hữu cơ tăng trưởng mạnh tại nhiều nước trên thế giới thì ở Việt Nam, sản xuất nông nghiệp hữu cơ vẫn chưa được chú trọng và quy mô chưa tương xứng với tiềm năng. Nguyên nhân là do lực kéo và lực đẩy đối với việc phát triển nông nghiệp hữu cơ vẫn chưa đủ mạnh. Người nông dân chưa có đủ động lực để chuyển đổi từ nền nông nghiệp truyền thống đã gắn bó lâu đời, sang một

*,**,*** Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, Đại học Thái Nguyên

^(*) Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 114.2-2013.42.

¹ Thamaga - Chitja và Hendriks, 2008.

nền nông nghiệp được cho là an toàn, giá bán sản phẩm cao hơn nhưng cũng chứa đựng nhiều rủi ro và thách thức. Trong khi đó, một bộ phận lớn người tiêu dùng chưa nhận thức được lợi ích của sản phẩm nông nghiệp hữu cơ so với sản phẩm nông nghiệp truyền thống; đồng thời họ cũng gặp khó khăn trong việc tiếp cận với các sản phẩm hữu cơ thực sự. Ngoài ra, cũng giống như tại các nước đang phát triển khác, Việt Nam thiếu những yếu tố quan trọng hỗ trợ cho sự phát triển nền nông nghiệp hữu cơ như chính sách, thị trường và các kênh tiêu thụ sản phẩm.

Nông nghiệp hữu cơ là một hệ thống nông nghiệp đòi hỏi nhiều tri thức, kiến thức khoa học và cũng chứa đựng nhiều rủi ro². Do đó, quyết định chuyển dịch của người nông dân là một quyết định phức tạp, khác với các quyết định sản xuất khác, và bị ảnh hưởng bởi cả những yếu tố kinh tế và phi kinh tế, nông nghiệp và phi nông nghiệp. Câu hỏi đặt ra là những yếu tố nào sẽ ảnh hưởng đến quyết định chuyển dịch từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp hữu cơ của người nông dân? Với một quốc gia mới bắt đầu tiến trình chuyển dịch sang sản xuất nông nghiệp hữu cơ như Việt Nam thì cần có giải pháp, chính sách gì để phát triển hệ thống nông nghiệp này? Trên cơ sở tổng hợp các kết quả của các nghiên cứu thực nghiệm trên thế giới, bài viết nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chuyển dịch từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp hữu cơ của người nông dân, từ đó rút ra bài học cho Việt Nam. Hiểu được những yếu tố tác động và động lực của sự chuyển dịch là điều kiện quan trọng để có những chính sách hiệu quả nhằm mở rộng và phát triển nông nghiệp hữu cơ tại Việt Nam.

2. Các yếu tố tác động đến sự chuyển dịch từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp hữu cơ

2.1. Yếu tố chủ quan từ phía người nông dân

Nông nghiệp hữu cơ và các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chuyển dịch sang sản

xuất nông nghiệp hữu cơ của nông dân đã được đề cập đến trong rất nhiều nghiên cứu thực nghiệm³. Phần lớn các nghiên cứu này đều được thực hiện ở các nước phát triển ở khu vực châu Âu, Bắc Mỹ hay Trung Mỹ⁴. Các nghiên cứu này đều tập trung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chuyển dịch, xu hướng chuyển dịch sang nông nghiệp hữu cơ, cũng như những yếu tố thúc đẩy và cản trở quá trình chuyển dịch. Có thể thấy, nếu phân chia các yếu tố tác động thành hai nhóm, nhóm yếu tố kinh tế như trợ cấp trả cho nông dân, tiếp cận thị trường, hay lợi nhuận kỳ vọng khi chuyển sang sản xuất nông nghiệp hữu cơ và nhóm yếu tố phi kinh tế như sức khỏe, môi trường, các vấn đề xã hội thì nhóm các yếu tố phi kinh tế ảnh hưởng rất lớn đến quyết định chuyển dịch sang nông nghiệp hữu cơ ở những nước phát triển⁵. Các nhân tố quan trọng khác cũng ảnh hưởng đến sự chấp nhận nông nghiệp hữu cơ như điều kiện kinh tế, kỹ năng quản lý, điều kiện thời tiết và các vấn đề xã hội⁶.

Đối với các nước đang phát triển thuộc khu vực châu Á, nông nghiệp hữu cơ mới bắt đầu được chú ý phát triển trong những năm gần đây nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng đối với sản phẩm hữu cơ từ các nước phát triển. Cùng với đó, nhu cầu tiêu dùng thực phẩm hữu cơ tại châu Á đang tăng lên do những lo ngại về an toàn thực phẩm⁷. Một số nghiên cứu cho thấy nhóm yếu tố kinh tế có vai trò quyết định sự chuyển đổi sang nông nghiệp hữu cơ⁸. Hầu hết các nghiên cứu này tập trung phân tích các đặc điểm cá nhân người nông dân và các đặc điểm

³ Dabbert và cộng sự 2004; Daugbjerg và cộng sự, 2011; Flaten và cộng sự, 2005; Lohr và Salomonsson, 2000; Moumouni và cộng sự, 2013; Padel, 2011; Sarker và cộng sự, 2010.

⁴ Bjorkhaug và Blekesaune, 2013; Cranfield và cộng sự, 2009; Läpple và Rensburg, 2011; Kilian và cộng sự, 2006.

⁵ Dabbert và cộng sự, 2004; De Cook, 2005

⁶ Marshall, 1993.

⁷ FiBL và IFOAM, 2015

⁸ Bhatta và cộng sự 2009; Karki và cộng sự, 2011; Pornpratansombat và cộng sự, 2011.

² Scialabba, 2007.

của trang trại với vai trò là các nhân tố quyết định đến quá trình chuyển dịch. Nghiên cứu của Sarker và cộng sự (2010) về nông dân ở Bangladesh và nghiên cứu của Pornpratansombat và cộng sự (2011) về nông dân trồng lúa ở Thái Lan là hai trong số ít các nghiên cứu xét đến hai yếu tố là thái độ và động lực của người nông dân. Các yếu tố phi kinh tế khác thuộc về các khía cạnh như xã hội, sức khỏe và môi trường cũng được đề cập đến⁹. Tuy nhiên, có rất ít nghiên cứu cho thấy các yếu tố này đóng vai trò quyết định tới sự chuyển dịch sang nông nghiệp hữu cơ của nông dân ở các nước đang phát triển.

Sự chuyển dịch sang nông nghiệp hữu cơ ở các nước phát triển và đang phát triển có thể chịu tác động của các yếu tố khác nhau, và với cùng một yếu tố thì chiều hướng tác động có thể ngược nhau. Tuy nhiên, nếu nhìn từ phía người nông dân, có thể thấy có 4 nhóm yếu tố chính ảnh hưởng đến quyết định chuyển dịch sang nông nghiệp hữu cơ:

i) Đặc điểm nhân khẩu của hộ sản xuất

Các nhân tố xã hội học - nhân khẩu học như đặc điểm của chủ hộ bao gồm giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, dân tộc, kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp và quy mô hộ đã được nhiều nghiên cứu chứng minh có tác động đến quyết định chuyển dịch sang phương thức sản xuất hữu cơ của hộ¹⁰. Nghiên cứu của Karki và cộng sự (2011) về các hộ trồng chè hữu cơ và trồng chè truyền thống tại Nepal cho thấy những người nông dân được đào tạo và qua tập huấn có xu hướng chuyển đổi sang trồng chè hữu cơ; đồng thời độ tuổi cũng là một yếu tố ảnh hưởng tích cực đến quá trình chuyển đổi.

Quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ được đánh giá là phức tạp và cần nhiều lao động hơn nông nghiệp truyền thống. Chính vì vậy, số lao động nông nghiệp của hộ là nhân tố quan trọng tác động đến quyết định chuyển dịch sang nông

nghiệp hữu cơ; hộ càng có nhiều lao động gia đình thì khả năng chuyển đổi càng cao¹¹. Tuy nhiên, tỷ lệ chấp nhận chuyển đổi còn phụ thuộc vào đặc điểm kỹ thuật sản xuất. Hộ gia đình với nhiều thành viên có khả năng tham gia lao động dễ chấp nhận sử dụng công nghệ cần nhiều nhân công (labor-intensive technology). Ngược lại, hộ có nhiều thành viên phụ thuộc sẽ dễ bị ảnh hưởng bởi vấn đề đảm bảo nguồn lương thực nuôi sống gia đình, kết quả là số thành viên phụ thuộc này không chấp nhận việc chuyển đổi.

ii) Nguồn lực kinh tế của hộ sản xuất

Nguồn lực kinh tế của hộ sản xuất nông nghiệp thường được phản ánh thông qua thu nhập và diện tích đất nông nghiệp của hộ. Thu nhập bình quân của hộ là nhân tố quan trọng tác động đến sự chuyển dịch sang sản xuất hữu cơ (Sarker và cộng sự, 2010). Thu nhập của hộ càng cao thì hộ sản xuất càng có khả năng đầu tư sử dụng công nghệ mới so với những hộ có thu nhập thấp (Batz và cộng sự, 1999). Quy mô trang trại hay diện tích đất nông nghiệp của hộ cũng có tác động đến quyết định chuyển dịch sang nông nghiệp hữu cơ. Theo nghiên cứu của Karki và cộng sự (2011), các hộ nông dân trồng chè ở Nepal có diện tích đất nông nghiệp càng lớn thì càng có xu hướng chuyển sang sản xuất chè hữu cơ bởi chỉ có những hộ có trang trại lớn mới có đủ vốn để đầu tư và chấp nhận rủi ro khi sử dụng kỹ thuật nông nghiệp mới, đồng thời mới có thể trả cho các chi phí liên quan đến cấp chứng nhận sản phẩm hữu cơ. Pictola và Oude Lansink (2001) cũng kết luận ở những nông trại có diện tích đất rộng nhưng năng suất thấp thì sự dịch chuyển này càng dễ xảy ra.

iii) Điều kiện sản xuất và tiêu thụ

Khả năng tiếp cận tin dụng, tiếp cận thị trường và tiếp cận với các dịch vụ khuyến nông tác động rất lớn đến quyết định chuyển dịch sang hướng sản xuất hữu cơ của người nông dân (Pornpratansombat và cộng sự, 2011; Sarker và cộng sự, 2010, Thamaga-Chitja và

⁹ Cranfield và cộng sự, 2010; Mzoughi, 2011.

¹⁰ Karki và cộng sự, 2011; Cranfield và cộng sự, 2010; Sarker và cộng sự, 2010.

¹¹ Feder và cộng sự, 1985; Sarker và cộng sự, 2010.

Hendriks, 2008). Khi nông dân được đảm bảo về mức giá đầu ra và các hỗ trợ về mặt kỹ thuật và các dịch vụ khuyến nông thì họ sẵn sàng chuyển đổi sang phương thức sản xuất hữu cơ (Trần Đại Nghĩa, 2009).

iv) Nhận thức của hộ sản xuất về nông nghiệp hữu cơ

Thông tin, kiến thức và nhận thức của người nông dân về nông nghiệp hữu cơ là một yếu tố quan trọng, thậm chí có tính chất quyết định trong quá trình chuyển dịch bởi nếu họ nhận thức được những lợi ích của nông nghiệp hữu cơ, nó có thể trở thành động lực dịch chuyển. Padel (1994) đã chỉ ra những nhân tố phổ biến nhất mà nông dân hữu cơ quan tâm là sức khỏe gia đình; lo ngại về các vấn đề trong nông nghiệp như xói mòn đất, sức khỏe vật nuôi; lựa chọn lối sống (tư tưởng, triết lý, tôn giáo) và vấn đề tài chính. Theo kết quả nghiên cứu của Sarker và cộng sự (2010), người nông dân chuyển đổi khi họ nhận thức rằng hệ thống nông nghiệp hữu cơ sẽ dẫn đến thu nhập cải thiện, nguồn cung cấp thực phẩm an toàn tốt hơn, và giảm ô nhiễm môi trường. Những niềm tin này dựa trên lập luận cho rằng nông nghiệp hữu cơ không sử dụng các hóa chất nông nghiệp đất đỏ nên chi phí sản xuất tương đối thấp, đồng thời sản phẩm hữu cơ thường bán với giá cao dẫn tới gia tăng lợi nhuận.

2.2.1. Nhận thức về môi trường

Yếu tố nhận thức về môi trường bao gồm nhận thức về bảo vệ môi trường, giảm xói mòn đất và cải tạo độ màu mỡ của đất (Karki và cộng sự, 2011). Yếu tố này có vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp hữu cơ, đặc biệt ở các nước phát triển. Khi người nông dân có nhận thức cao về môi trường họ sẽ sẵn lòng chuyển đổi phương thức sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường (Sarker và Itohara, 2008). Nghiên cứu của Pornpratansombat và cộng sự (2011) cho thấy, một trong những lý do khiến nông dân Thái Lan không sử dụng hóa chất nông nghiệp nhằm tránh

các hậu quả do phương thức sản xuất truyền thống gây ra, bởi họ nhận thức được việc lạm dụng hóa chất nông nghiệp sẽ gây ra nhiều hậu quả như đất bạc màu, sâu bệnh phát triển phức tạp, sức khỏe con người bị ảnh hưởng. Do vậy, người dân cần phải được tiếp cận và hiểu rõ những hạn chế của phương thức sản xuất truyền thống, ảnh hưởng của nó đến môi trường và sức khỏe con người. Khi người nông dân được tiếp cận và có nhận thức cao về bảo vệ môi trường, bảo vệ và cải tạo chất lượng đất, bảo vệ sức khỏe con người thì việc chuyển đổi sang hình thức sản xuất nông nghiệp hữu cơ là điều tất yếu.

2.1.2. Triển vọng thị trường

Triển vọng thị trường được hiểu là quan điểm tích cực của nông dân về nhu cầu tiêu dùng sản phẩm hữu cơ và tính bền vững về cầu và giá đối với sản phẩm này ở các nước phát triển. Trong nghiên cứu của Karki và cộng sự (2011) về sản xuất chè hữu cơ tại Nepal, nông dân chuyển sang sản xuất chè hữu cơ nhằm đáp ứng yêu cầu của hệ thống nhà máy chế biến chè và các nhà nhập khẩu chè từ châu Âu và Bắc Mỹ. Theo đó, các nhà máy chế biến chè ký hợp đồng với các hợp tác xã hoặc nhóm nông dân và cam kết mua toàn bộ sản lượng chè hữu cơ. Trong khi đó, những nhà máy chế biến chè truyền thống chỉ thu mua lá chè tại thị trường tự do theo yêu cầu của nhà máy. Khi thị trường nông sản không ổn định, là một trong những trở ngại của nông dân ở các nước đang phát triển, thì việc ký hợp đồng với nhà máy chế biến như vậy là lợi thế lớn đối với nông dân trồng chè ở khu vực vùng sâu vùng xa.

2.1.3. Lợi ích kinh tế

Khi người nông dân có nhận thức tích cực về việc chuyển đổi sang nông nghiệp hữu cơ trên khía cạnh kinh tế (giá bán cao, thị trường được mở rộng, thu nhập tăng) thì nhiều khả năng họ sẽ chuyển đổi sang nông nghiệp hữu cơ. Nghiên cứu của Sarker và Itohara (2008) chỉ ra rằng trong số những người chấp nhận chuyển đổi sang nông nghiệp hữu cơ, có tới 62% nông dân nhận thức tính hiệu quả của chương trình mở

rong nông nghiệp hữu cơ của Proshika trong việc nâng cao thu nhập của người sản xuất. Pornpratansombat và cộng sự (2011) cũng chứng minh việc chuyển đổi sang sản xuất gạo hữu cơ ở Thái Lan làm giảm chi phí sản xuất, giá bán cao hơn, từ đó mang lại nhiều lợi nhuận hơn cho nông dân.

2.1.4. Ý thức về sức khỏe

Ý thức về sức khỏe là một nhân tố thúc đẩy sự chuyển dịch sang sản xuất hữu cơ. Nhân tố này đã được chứng minh bởi Sarker và Itohara (2008) ở Bangladesh và Pornpratansonbat và cộng sự (2011) ở Thái Lan. Khi nông dân quan tâm đến sức khỏe của chính mình và người thân trong gia đình, họ sẽ có xu hướng quan tâm hơn đến sức khỏe người tiêu dùng, do đó xác suất chuyển dịch sang canh tác theo phương thức an toàn hơn với sức khỏe của cả người sản xuất và người tiêu dùng cũng cao hơn.

2.2. Yếu tố khách quan

Ngoài các yếu tố chủ quan từ phía người nông dân, sự chuyển dịch sang nông nghiệp hữu cơ còn chịu tác động của các yếu tố khách quan. Thamaga-Chitja và Hedricks (2008) chỉ ra sự khác biệt giữa các điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi sang nông nghiệp hữu cơ ở các nước đang phát triển so với các nước phát triển, đặc biệt là các điều kiện liên quan đến môi trường chính sách; các khoản trợ cấp cho quá trình chuyển đổi sang nông nghiệp hữu cơ; tiếp cận thị trường; nhu cầu tiêu dùng trong nước đối với sản phẩm hữu cơ; cơ sở hạ tầng phù hợp; và khả năng tiếp cận với các dịch vụ khuyến nông. Thiếu những chính sách và cơ chế thực thi phù hợp, sự can thiệp về chính trị, thiếu những khoản trợ cấp đối với người nông dân, thiếu nghiên cứu về thị trường cũng như kỹ thuật để hỗ trợ cho khu vực nông nghiệp hữu cơ được coi là những rào cản chính về phía chính phủ đối với sự phát triển của khu vực sản xuất này (Bhatta và cộng sự; 2009)

i) Thể chế, chính sách của Nhà nước

Có nhiều nghiên cứu thảo luận về yếu tố tác động đến quá trình chuyển dịch sang nông

nghiệp hữu cơ đúng trên góc độ về điều kiện thể chế chính sách¹². Tùy thuộc vào từng đặc điểm thể chế và chính sách của mỗi quốc gia mà tác động của chính sách tới sự chuyển dịch sang nông nghiệp hữu cơ ở các mức độ khác nhau. Nghiên cứu của Daugbjerg và cộng sự (2011) cho thấy chính sách hỗ trợ nông nghiệp hữu cơ ở Đan Mạch và ở Vương quốc Anh có tác động khác nhau mặc dù điều kiện để nông dân áp dụng sản xuất nông nghiệp hữu cơ ở hai quốc gia này khá tương đồng. Đối với các nước thành viên EU khi đồng thời áp dụng chương trình hành động về nông nghiệp hữu cơ, có sự dao động đáng kể về chính sách hỗ trợ như tỷ lệ hỗ trợ, điều kiện và các thủ tục hỗ trợ để phát triển ngành nông nghiệp hữu cơ, và do đó tác động của chúng đến sự chuyển dịch sang sản xuất hữu cơ cũng khác nhau (Stolze và Lampkin, 2009).

ii) Hỗ trợ của nhà nước

Sự hỗ trợ của nhà nước trên các khía cạnh kỹ thuật và tài chính đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển dịch sang nông nghiệp hữu cơ (Haring và cộng sự, 2004). Nghiên cứu của Sarker và cộng sự (2010) cho thấy hỗ trợ về dịch vụ khuyến nông từ cả các tổ chức phi chính phủ và từ phía nhà nước đóng vai trò quan trọng trong quyết định chuyển dịch của nông dân. Trong khi phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới việc lựa chọn kỹ thuật nông nghiệp hữu cơ và truyền thống ở Phần Lan, Pietola và Oude Lansink (2001) đã thông qua bộ số liệu thu thập về hành vi của nông dân để khảo sát phản ứng của nông dân về các chính sách kinh tế nhằm khuyến khích chuyển dịch sang nông nghiệp hữu cơ. Kết quả nghiên cứu cho thấy trợ cấp trực tiếp ngày càng tăng cho hoạt động sản xuất hữu cơ cùng với giá đầu ra đang suy giảm trong sản xuất truyền thống chính là khởi nguồn cho việc dịch chuyển sang nông nghiệp hữu cơ. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của Lord và Salomonsson (2000) đã chứng minh yếu tố dịch

¹² Daugbjerg và cộng sự 2011); De Cook và cộng sự (2016); Lord và Salomonsson (2000); Pietola và Oude Lansink (2001); Thamaga - Chitja và Hedricks (2008).

vụ, bao gồm tiếp cận thị trường đầu ra và tiếp cận thông tin chứ không phải yếu tố trợ cấp quyết định tới sự chuyển dịch sang nông nghiệp hữu cơ của nông dân Thụy Sĩ.

iii) Chứng nhận sản phẩm

Theo Constance và Choi (2010), cùng với mức độ rủi ro cao, quy trình sản xuất và quy trình chứng nhận sản phẩm hữu cơ phức tạp cũng là yếu tố gây cản trở quá trình chuyển dịch sang nông nghiệp hữu cơ. Việc tồn tại quá nhiều tổ chức cấp chứng nhận với các tiêu chuẩn khác nhau cũng như các quy định khác nhau của chính phủ về sản phẩm hữu cơ cũng gây khó khăn cho việc xây dựng một hệ thống hướng dẫn thống nhất về công nhận sản phẩm hữu cơ. Tuy nhiên, khi sản phẩm hữu cơ được chứng nhận và gắn mác, hầu hết người tiêu dùng sử dụng sản phẩm hữu cơ đều sẵn sàng trả giá cao hơn và nông nghiệp hữu cơ vẫn sẽ là ngành sản xuất sinh lời xét về dài hạn (Bhatta và cộng sự, 2009; De Cook và cộng sự, 2016).

iv) Sự sẵn lòng trả giá (willingness-to-pay) của người tiêu dùng

Có thể nhận thấy giá là một yếu tố hạn chế khả năng mua sản phẩm hữu cơ khi mức giá bình quân cho các nông sản hữu cơ thường cao hơn từ 100% - 170% so với sản phẩm truyền thống (Roitner-Schobesberger và cộng sự, 2008). Rõ ràng sự sẵn lòng trả giá của người tiêu dùng đối với các sản phẩm hữu cơ ảnh hưởng tới mức giá của mặt hàng này, qua đó ảnh hưởng tới nguồn cung. Khi phân tích tiềm năng phát triển nông nghiệp hữu cơ tại Nepal, Bhatta và cộng sự (2009) đã chỉ ra rằng nông dân hữu cơ phụ thuộc chủ yếu vào sự sẵn lòng trả giá cao của người tiêu dùng để bù đắp cho sự giảm sản lượng do năng suất thấp; và thu nhập, trình độ học vấn, nghề nghiệp là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quyết định mua sản phẩm hữu cơ của người tiêu dùng.

3. Thảo luận và hàm ý chính sách

Các nghiên cứu về nông nghiệp hữu cơ và sự chuyển dịch từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp hữu cơ trên thế giới cho thấy quyết

định chuyển dịch sang nông nghiệp hữu cơ là một quyết định phức tạp, chịu ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố. Trong đó, nhận thức của người nông dân được coi là một trong những yếu tố quyết định tới sự chuyển dịch.

Nông nghiệp hữu cơ mới được chú ý ở Việt Nam trong những năm gần đây. Nhận thức của cả người sản xuất và người tiêu dùng đối với sản phẩm hữu cơ còn hạn chế. Người sản xuất vẫn chưa ý thức hết được những tác hại do hóa chất dùng trong nông nghiệp truyền thống gây ra và nhận thức của họ về những lợi ích mà nông nghiệp hữu cơ mang lại còn chưa đầy đủ. Thêm vào đó, sự thiếu chặt chẽ trong các quy định của Nhà nước về kiểm soát dư lượng hóa chất trong sản phẩm nông nghiệp khiến người sản xuất chưa phải chịu nhiều sức ép để tham gia vào quá trình chuyển đổi từ nền sản xuất nông nghiệp truyền thống sang một nền sản xuất nông nghiệp an toàn hơn. Về phía người tiêu dùng, mặc dù trong những năm gần đây, vấn đề an toàn thực phẩm đã được quan tâm hơn nhưng do giá bán sản phẩm hữu cơ thường cao cùng với việc chứng nhận sản phẩm hữu cơ, sản phẩm sạch hay sản phẩm an toàn vẫn chưa rõ ràng nên lượng sản phẩm hữu cơ được tiêu dùng trong nước vẫn chưa cao. Chính vì vậy, Nhà nước cần có các chính sách và biện pháp để nâng cao nhận thức của người sản xuất cũng như người tiêu dùng về nông nghiệp hữu cơ và những lợi ích kinh tế và phi kinh tế mà nó mang lại. Đối với một quốc gia đang phát triển như Việt Nam, khi trình độ của người nông dân còn hạn chế và mức sống chưa cao thì họ quan tâm nhiều đến vấn đề lợi ích kinh tế như lợi nhuận, thu nhập hơn là các vấn đề có tính vĩ mô như bảo vệ môi trường hay sức khỏe cộng đồng. Điều quan trọng là cần phải giúp người nông dân hiểu rõ được lợi ích kinh tế lâu dài của sản xuất hữu cơ, từ đó tạo cho họ động lực để chuyển dịch. Ngoài ra, để tạo môi trường và hành lang pháp lý cho phát triển nông nghiệp hữu cơ, Nhà nước cần xây dựng hệ thống cấp chứng nhận và giám sát đối với sản phẩm hữu cơ cũng như các quy định về quy trình, tiêu chuẩn sản phẩm hữu cơ.

Nghiên cứu cũng chỉ ra, hỗ trợ của Nhà nước cũng như các tổ chức liên quan là một trong các yếu tố quan trọng thúc đẩy người nông dân chuyển sang sản xuất hữu cơ. Trong giai đoạn đầu của quá trình chuyển đổi, người nông dân sẽ gặp khó khăn do kỹ thuật, quy trình sản xuất hữu cơ phức tạp, trong khi năng suất thường giảm. Do đó, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ về mặt tài chính, kỹ thuật cho người nông dân trong quá trình chuyển đổi.

Kết luận

Chuyển dịch từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp hữu cơ là một quá trình phức tạp, chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nhau. Mức độ tác động và chiều hướng tác động của các yếu tố ở mỗi quốc gia, mỗi vùng có thể khác nhau. Tuy nhiên, nhìn chung quyết định chuyển dịch của người nông dân phụ thuộc vào đặc điểm nhân khẩu của hộ, tiềm lực kinh tế,

điều kiện sản xuất và tiêu thụ của hộ. Đặc biệt, nhận thức của hộ về nông nghiệp hữu cơ (bao gồm nhận thức về môi trường, sức khỏe, triển vọng thị trường và lợi ích kinh tế) thường là yếu tố quyết định đến sự chuyển dịch. Trong đó, đối với các nước phát triển, nhận thức liên quan đến lợi ích phi kinh tế thường tạo ra động lực dịch chuyển lớn hơn nhận thức liên quan đến lợi ích kinh tế; điều này thường ngược lại đối với các nước đang phát triển. Đối với Việt Nam, ngoài những tiêu chuẩn, quy định cần thiết liên quan đến nông nghiệp hữu cơ, Nhà nước và các địa phương cần có các chính sách và biện pháp để nâng cao nhận thức của người sản xuất và người tiêu dùng về nông nghiệp và sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, đồng thời cần có các chính sách hỗ trợ về thị trường, tài chính, kỹ thuật và chứng nhận sản phẩm để giúp người nông dân trong quá trình chuyển dịch♦

Tài liệu tham khảo:

1. Batz, F. J., Peters, K. J., Janssen, W., (1999): *The influence of technology characteristics on the rate and speed of adoption*. *Agricultural Economics* 21, 121-130.
2. Bhatta, G. D., Doppler, W., Krishna Bahadur, K. C., (2009): *Potentials of organic agriculture in Nepal*. *The Journal of Agriculture and Environment* 10, 1-11.
3. Bjorkhaug, H., Blekesaune, A., (2013): *Development of organic farming in Norway: A statistical analysis of neighbourhood effects*. *Geoforum* 45, 201-210.
4. Constance, D. H., Choi, J. Y., (2010): *Overcoming the barriers to organic production in the United States: A look at pragmatic conventional producers in Texas*. *Sustainability* 2, 163-188.
5. Cranfield, J., Henson, S., Holiday, J., (2010): *The Motives, Benefits, and Problems of Conversion to Organic Production*. *Agriculture and Human Values* 27, 291-306.
6. Dabbert, S., Haring, A. M., Zanolli, R., (2004): *Organic farming policies and prospects*. Zed Books, London.
7. Daugbjerg, C., Transter, R., Hattam, C., Holloway, G., (2011): *Modelling the impacts of policy on entry into organic farming: Evidence from Danish-UK comparisons, 1989-2007*. *Land Use Policy* 28, 413-422.
8. De Cook, L., (2005): *Determinants of organic farming conversion*. In: *Proceedings of the XIth International Congress of European Association of Agricultural Economists*. The future of rural Europe in the global agri-food system. August 24-27, 2005, Copenhagen, Denmark.
9. De Cook, L., Dessen, J., De Krom, M. P., (2016): *Understanding the development of organic agriculture in Flanders (Belgium): A discourse analytical approach*. *NJAS-Wageningen Journal of Life Sciences*. DOI: <http://www.dx.doi.org/10.1016/j.njas.2016.04.002>
10. Feder, G., Just, E. R., Zilberman, D., (1985): *Adoption of Agricultural Innovations in Developing Countries*. *Economic Development and Cultural Changes* 33, 255-298.
11. FiBL and IFOAM (2015): *The World of Organic Agriculture Statistics and Emerging Trends 2015*, Medienhaus Plump, Rheinbreitbach, Germany.

12. Flaten, O., Lien, G., Ebbesvik, M., Koesling, M., Valle, P. S., (2005): *Do the new organic producers differ from the 'old guard'? Empirical results from Norwegian dairy farming*. Renewable Agriculture and Food Systems 21 (3), 174-182.
13. Haring, A. M., Dabbert, S., Aurbacher, J., Bichler, B., Eichert, C., Gambelli, D., Lampkin, N., Offerman, F., Olmos, S., Tuson, J., Zanolì, R., (2004): *Organic farming and measures of European agricultural policy*. In: Organic Farming in Europe: Economics and Policy, vol. 11. University of Hohenheim, Hohenheim.
14. Karki, L., Schleenbecker, R., Hamm, U., (2011): *Factors Influencing a Conversion to Organic Farming in Nepalese Tea Farms*, Journal of Agriculture and Rural Development in the Tropics and Subtropics 112 (2), 113-123.
15. Kilian, B., Jones, C., Pratt, L., Villalobos, A., (2006): *Is sustainable agriculture a viable strategy to improve farm income in Central Africa? A case study on coffee*. Journal of Business Research 59, 322-330.
16. Laple, D., Rensburg, T. V., (2011): *Adoption of organic farming: Are there differences between early and late adoption?*. Ecological Economics 70, 1406-1414.
17. Lohr, L., Salomonsson, L., (2000): *Conversion subsidies for organic production: results from Sweden and lessons for the United States*. Agricultural Economics 22 (2), 133-146.
18. Marshall, G., (1993): *'Organic agriculture in Australia: An economist's perspective'*, in: Small, D., Auld, D., Wilson, K. and Bourchier, J. (eds), Organic Agriculture: A Serious Form of Agriculture, Northern Victoria Branch of the Australian Institute for Agricultural Science.
19. Moumouni, I., Baco, M. N., Tovignan, S., Gbedo, F., Nouatin, G. S., Vodouhe, S. D., Liebe, U., (2013): *What happens between technico-institutional support and adoption of organic farming? A case study from Benin*. Organic Agriculture 3 (1), 1-8.
20. Mzoughi, N., (2011): *Farmers adoption of integrated crop protection and organic farming: Do moral and social concerns matter?*. Ecological Economics 70, 1536-1545.
21. Padel, S., (2001): *Conversion to organic farming: a typical example of the diffusion of an innovation?*. Sociologia Ruralis 41 (1), 40-61.
22. Pietola, K. S., Oude Lansink, A., (2001): *Farmer response to policies promoting organic farming technologies in Finland*. European Review of Agricultural Economics 28(1), 1-15.
23. Pornpratsombat, P., Bauer, B., Boland, H., (2011): *The Adoption of Organic Rice Farming in Northeastern Thailand*. Journal of Organic Systems 6, 4-12.
24. Roitner-Schobesberger, B., Darnhofer, I., Somsook, S., Vogl, C. R., (2008): *Consumer perceptions of organic food in Bangkok, Thailand*. Food Policy 33 (2), 112-121.
25. Sarker, A., Itohara, Y., (2008): *Factors Influencing the Extent of Practice of Organic Farming Technologies: A Case Study of Tangail District in Bangladesh*. American Journal of Agricultural and Biological Sciences 3, 584-590.
26. Sarker, M. A., Itohara, Y., Hoque, M., (2010): *Determinants of Adoption Decisions The Case of Organic Farming (OF) in Bangladesh*. Extension Farming Systems Journal 5, 39-46.
27. Scialabba, N.E., (2007): *Organic agriculture and food security. Paper presented at International Conference on Organic Farming and Food Security, 3-5 May, Food and Agriculture Organisation, Rome, Italy*.
28. Stolze, M., Lampkin, N., (2009): *Policy for organic farming: Rationale and concepts*. Food Policy 34, 237-244.
29. Thamaga-Chitja, J., Hendriks, S.L., (2008): *Emerging Issues in Smallholder Organic Production and Marketing in South Africa*. Development Southern Africa 25 (3), 317-326.
30. Trần Đại Nghĩa (2009): *Transition To Organic Tea Production in Thai Nguyen Province, Vietnam: Economic and Environmental Impacts*. Research report (Economy and Environment Program for Southeast Asia), ISSN 1608-5434; 2008-RR8.